TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NINH HẢI** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 23/4/2020
V/v: *"Ly hôn, nuôi con chung giữa bà T và ông D"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH HẢI - TỈNH NINH THUẬN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Ngô Minh Đăng**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà **Đỗ Thị Minh Linh**
2. Bà **Phạm Thị Huệ**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Dương Thị Xuân Thủy** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải - tỉnh Ninh Thuận.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Hải tham gia phiên tòa:*** Bà **Nguyễn Thị Mỹ Hoa** – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 284/2019/TLST-HNGĐ ngày 12/12/2019 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 08/QĐST-HNGĐ ngày 13/3/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Tr T T, sinh năm: 1985 *(có mặt)*
- *Bị đơn:* Ông L V D, sinh năm: 1988 *(vắng mặt)*
Cùng địa chỉ: Thôn V H, xã V H, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/10/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Tr T T trình bày: Bà và ông L V D đã tìm hiểu và tiến đến hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V H, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận vào ngày 24/6/2008. Vợ chồng có 02 con chung tên L Tr N Kh, sinh năm 2008 và L Tr N Ng, sinh năm 2014. Trong cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc vì ông D có tình cảm với người phụ nữ khác, từ năm 2018 ông D đã sống cùng người phụ nữ đó. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 đến nay, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài. Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải giải quyết cho bà được ly hôn với ông D. Về con chung: Do cháu L Tr N Kh, sinh năm 2008 và L Tr Nh Ng, sinh năm 2014 đang sống chung với bà nên bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con

chung. Bà không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Hải thể hiện:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử luôn tuân theo pháp luật tố tụng và người tham gia tố tụng là nguyên đơn luôn chấp hành pháp luật. Riêng bị đơn cố tình vắng mặt tại phiên tòa nhưng không có lý do. Đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tr Th T về việc ly hôn với ông L V D.

Về con chung: Giao con chung tên L Tr Nh Kh, sinh năm 2008 và L Tr Nh Ng, sinh năm 2014 cho bà T nuôi dưỡng, ông D không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Do bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Về án phí: Bà T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Tr T T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông L V D, yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên L Tr Nh K, sinh năm 2008 và L Tr Nh Ng, sinh năm 2014 và không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con. Các đương sự có nơi cư trú trên địa bàn huyện Ninh Hải. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS), HĐXX xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.

[2] Tòa án ra thông báo về việc thụ lý vụ án và đã tống đạt hợp lệ cho bị đơn là ông D. Thông báo có ghi rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (*Yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con*). Chứng cứ kèm theo là bản sao Giấy chứng nhận kết hôn và sổ hộ khẩu. Tuy nhiên, trong thời hạn 15 ngày theo quy định tại điều 199 của Bộ luật tố tụng dân sự ông D không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không phản đối chứng cứ do bà T cung cấp (*khoản 2 điều 92 của BLTTDS*). Sau khi thông báo về việc thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải 02 lần, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa ông D vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án: Bà Tr T T và ông L V D kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V H, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận vào ngày 24/6/2008, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn bà T và ông D sống chung với nhau và có 02 con chung tên L Tr

Nh Kh, sinh năm 2008 và L Tr Nh Ng, sinh năm 2014. Theo Biên bản lấy lời khai của bà T, ngày 12/12/2019 (BL 21); Biên bản xác minh tại chính quyền địa phương nơi đương sự cư trú (BL 22) có trong hồ sơ vụ án của Tòa án thể hiện: Trong cuộc sống hôn nhân giữa bà T và ông D có xảy ra mâu thuẫn do ông D ngoại tình và sống chung với người phụ nữ khác. Bà T cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng sống ly thân đã lâu không thể hàn gắn được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông D. Từ những nhận định trên, HĐXX xác định tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông D đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài. Vì vậy, HĐXX căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình, căn cứ ý kiến của Kiểm sát viên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T đối với ông D.

[4] Về con chung: Giao con chung tên L Tr Nh K, sinh năm 2008 và L Tr Nh Ng, sinh năm 2014 cho bà T nuôi dưỡng, ông D không cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Do bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ quy định khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Khoản 1 Điều 6 và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Bà T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 147, Khoản 2 điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 6 và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Tr T T được ly hôn với ông L V D

2. Về con chung: Giao con chung tên L T Nh Kh, sinh năm 2008 và L Tr Nh Ng, sinh năm 2014 cho bà Tr nuôi dưỡng, ông D không cấp dưỡng nuôi con chung. Không ai được cản trở ông D thực hiện quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung.

3. Về án phí: Bà T phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* theo Biên lai số 0021182 ngày 26/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Hải. Bà T đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm có mặt nguyên đơn, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 23/4/2020). Riêng bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được niêm yết, tống đạt hợp lệ Bản án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Ninh Hải;
- UBND xã V H (Cơ quan thực hiện việc ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, án văn).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Ngô Minh Đăng